

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC LẶC  
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 22/2018/HS-ST  
Ngày 26/11/2018

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Viết Giảng

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Phùng Văn Cảnh

Ông Phạm Đức Hoàn

**- Thư ký phiên toà:** Bà Ninh Thị Hải, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên toà:**

Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/TLST-HS ngày 26/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 23/2018/QĐXXST-HS ngày 15/11/2018 đối với bị cáo:

Lê Văn C, sinh năm 1987, tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Làng C, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 3/12; giới tính: Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (Không xác định) và bà Bùi Thị Q; vợ Nguyễn Thị H và 01 con sinh năm 2012; tiền sự, tiền án: Không. Bị tạm giữ từ ngày 23/8/2018, bị tạm giam từ ngày 29/8/2018, hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam của Công an tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Lê Thị Thu V - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

*Người làm chứng:*

- Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Làng M, xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Đặng Ngọc T, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Làng C, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào hồi 9 giờ ngày 23/8/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Văn C về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại khu vực Phố T, thị trấn N, huyện N, thu giữ 03 gói giấy màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy, 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave  $\alpha$ , màu đen, biển kiểm soát 36R5-74...

Quá trình điều tra, Lê Văn C khai nhận: Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 23/8/2018, C nhận được điện thoại của Phạm Văn Đ ở làng M, xã Đ, huyện N rủ C đi mua ma túy về sử dụng. Khi C điều khiển xe mô tô đến ngã ba đường rẽ vào làng N thuộc Phố T, thị trấn N thì gặp Phạm Văn Đ đang đứng cùng một người đàn ông lạ mặt; khi Đ đi vào quán tạp hóa gần đó mua thuốc lá, người đàn ông lạ mặt đưa cho C một tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, bảo C đi mua ma túy về cùng sử dụng. Khi Đ mua thuốc lá quay lại, C dùng xe mô tô của mình chở Đ đến khu vực gần chợ Phố C, thị trấn N thì C dừng xe, bảo Đ ở lại trông xe, C đi bộ một mình sang đường phía đối diện, gặp một người đàn ông lạ mặt, C đưa cho người đàn ông lạ mặt này 200.000 đồng, người đàn ông đưa cho C 03 gói ma túy. Mua được ma túy, C đi lại nơi Đ đang trông xe và bảo Đ điều khiển xe chở C quay lại ngã ba đường rẽ vào làng N, thuộc Phố T, thị trấn N thì bị Công an huyện Ngọc Lặc bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định số 1749/MT-PC09 ngày 26/8/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Chất bột màu trắng của gói giấy ký hiệu B1 trong phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,065g (*Không thấy không sáu năm gam*), loại: Heroine.

- Chất bột màu trắng của gói giấy ký hiệu B2 trong phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,067g (*Không thấy không sáu bảy gam*), loại: Heroine.

- Chất bột màu trắng của gói giấy ký hiệu B3 trong phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,087g (*Không thấy không tám bảy gam*), loại: Heroine.

Quá trình điều tra chưa xác định được người đàn ông đưa tiền cho C đi mua ma túy và người đàn ông đã bán ma túy cho C ngày 23/8/2018, cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau. Đối với Phạm Văn Đ, quá trình điều tra, chưa có căn cứ xác định Đ gọi điện thoại cho C rủ C đi mua ma túy sử dụng, khi người đàn ông lạ mặt đưa tiền cho C bảo C đi mua ma túy sử dụng Đ không có mặt, khi C đi mua ma túy Đ không biết và sau khi mua được ma túy C không nói cho Đ biết, nên chưa đủ căn cứ xử lý, cơ quan điều tra tách vụ việc tiếp tục theo dõi, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Wave  $\alpha$ , màu đen, biển kiểm soát 36R5-70... mang tên ông Bùi Văn K ở làng C, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, hiện tại gia đình ông K không có mặt ở địa phương. Vợ của bị cáo là chị Nguyễn Thị H có giấy báo cáo về việc chị H đã mua chiếc xe mô tô này của ông K và được Ban Công an xã L xác nhận, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị H.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKSNL ngày 24/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc đã truy tố bị cáo Lê Văn C về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 47, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xử phạt Lê Văn C từ 12 (*Mười hai*) tháng đến 15 (*Mười lăm*) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam. Tịch thu tiêu hủy số vật chứng của vụ án là 0,190g (*không thấy một chín không gam*) ma túy. Bị cáo là cá nhân của hộ nghèo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với cáo trạng truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi phạm tội và bị bắt, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đã rất ăn năn về lỗi lầm của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số, học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, áp dụng mức hình phạt 12 tháng tù, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam; không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí Tòa án cho bị cáo.

Bị cáo Lê Văn C thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo và đã thành khẩn nhận tội, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, áp dụng mức án thấp của khung hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người tốt, sớm trở về đoàn tụ với gia đình và hòa nhập đời sống cộng đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo,

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về kết luận giám định của phòng Kỹ thuật Công an tỉnh Thanh Hóa; về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và người làm chứng, đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 9 giờ ngày 23/8/2018, Lê Văn C đã có hành vi mua và tàng trữ trong túi quần trước bên phải C đang mặc 03 (Ba) gói giấy nhỏ màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng, có tổng khối lượng là 0,219g (*Không thấy hai một chín gam*), là ma túy, loại Heroine, khi bị cáo đi xe mô tô đến ngã ba đường rẽ vào làng N thuộc Phố T, thị trấn N, huyện N thì bị bắt quả tang đang tàng trữ số ma túy nói trên. Hành vi của bị cáo Lê Văn C đã phạm vào “*Tội tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chất ma túy bị cáo tàng trữ là Heroine có khối lượng trên 0,1g (*Không thấy một gam*) và dưới 05g (*Năm gam*), phạm vào điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc truy tố bị cáo Lê Văn C là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Ma túy và các tệ nạn từ ma túy đã và đang là mối hiểm họa cho xã hội, làm suy đồi đạo đức, lối sống, gây nguy hại cho sự phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách của con người và là nguyên nhân phát sinh một số loại tội phạm. Để hạn chế và từng bước loại bỏ ma túy và các tệ nạn từ ma túy ra khỏi đời sống xã hội, Nhà nước đã có nhiều giải pháp và Bộ luật Hình sự quy định hình phạt nghiêm khắc đối với tội phạm ma túy. Bị cáo nhận thức được sự nguy hại của ma túy, các tệ nạn từ ma túy đối với thể chất, tinh thần, nhân cách con người, đối với trật tự, an toàn xã hội và nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là phạm tội và bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc, nhưng bị cáo vẫn tàng trữ trái phép chất ma túy trên người để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về cất giữ chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội và thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn nhận tội, nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, học tập trở thành người tốt. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân không tốt, bị cáo nghiện chất ma túy, một tệ nạn bị xã hội lên án và bị pháp luật nghiêm cấm, bị cáo không có khả năng tự cải tạo; để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, đấu tranh với các tội phạm về ma túy đang có diễn biến phức tạp ở địa phương, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người tốt, có ích cho gia đình, xã hội và răn đe phòng ngừa chung. Đối với thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam, được tính vào thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo.

[5]. Hình phạt bổ sung: Do bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy không nhằm mục đích thu lợi bất chính, bị cáo là cá nhân của hộ nghèo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Đối với số vật chứng cơ quan điều tra đã xử lý trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số vật chứng của vụ án chưa xử lý, gồm: 0,190g (*Không thấy một chín không gam*) ma túy loại Heroine là mẫu vật còn lại sau giám định, căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo, nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**Vì những lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn C phạm "*Tội tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 12 (*Mười hai*) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 23/8/2018.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 0,190g (*Không thấy một chín không gam*) ma túy loại Heroine là mẫu vật còn lại sau giám định và vỏ bao gói, đựng trong một phong bì do phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín, niêm phong bởi

các chữ ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đ, Trần Thị Thúy H, Bàn Văn Q và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa, theo Biên bản giao nhận vật chứng, Phiếu nhập kho số NK 2019/002 ngày 26/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Văn C.

Bị cáo Lê Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- CA huyện Ngọc Lặc;
- THADS huyện Ngọc Lặc;
- HS vụ án, HS THA hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Viết Giảng**